

Số: /KH-UBND

Lạng Sơn, ngày tháng 9 năm 2024

KẾ HOẠCH

Lập quy trình vận hành, cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ và kiểm định an toàn đập, hồ chứa nước trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19/6/2013; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập;

Căn cứ Nghị định 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi; Thông tư số 03/2022/TT-BNNPTNT ngày 16/6/2022 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018;

Căn cứ Kế hoạch số 89-KH/TU ngày 28/12/2022 của Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Kết luận 36-KL/TW ngày 23/6/2022 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Quyết định số 1131/QĐ-UBND ngày 19/6/2019 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt danh mục đập, hồ chứa nước trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Quyết định 1922/QĐ-UBND ngày 02/10/2020 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án Nâng cao năng lực quản lý, đảm bảo an toàn và hiệu quả các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021 – 2030.

UBND tỉnh ban hành kế hoạch thực hiện lập quy trình vận hành, kiểm định an toàn đập, hồ chứa nước, cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa nước trên địa bàn tỉnh như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Lập quy trình vận hành, kiểm định an toàn đập, hồ chứa nước, cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa nước làm cơ sở để quản lý, khai thác các hồ chứa nước đảm bảo phục vụ cho sản xuất, đời sống dân sinh trong các vùng hưởng lợi của hồ, đồng thời đảm bảo an toàn công trình và chủ động phòng chống

lũ cho hạ du; phối hợp trách nhiệm giữa đơn vị quản lý hồ với chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan trong việc vận hành hồ trong mùa lũ, mùa kiệt và khi hồ có sự cố; xây dựng kế hoạch cấp nước cho các đối tượng dùng nước, quy trình xả nước để đảm bảo an toàn hồ chứa trong mùa lũ.

- Xác định cụ thể ranh giới đất của công trình với đất của Nhân dân tránh lấn chiếm hành lang an toàn của hồ chứa; thắt chặt công tác quản lý, giám sát, các hoạt động vi phạm trong phạm vi bảo vệ. Bảo đảm an toàn hành lang công trình thủy lợi; phòng, chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước; bảo vệ, bảo tồn và phát triển hệ sinh thái thủy sinh, các loài động vật, thực vật tự nhiên ven nguồn nước.

- Giúp cho cơ quan quản lý nhà nước về an toàn đập nắm được hiện trạng chất lượng đập và công tác quản lý đập qua quá trình vận hành khai thác công trình, để có biện pháp củng cố, tăng cường công tác quản lý nhà nước về an toàn đập, chỉ đạo việc đảm bảo an toàn đập trong quá trình quản lý vận hành khai thác công trình, đặc biệt là vào mùa mưa lũ; thiết lập và tăng cường trách nhiệm giữa cơ quan quản lý nhà nước về an toàn đập và đơn vị quản lý khai thác, nâng cao hiệu lực thực thi pháp luật và hiệu quả quản lý.

2. Yêu cầu

- Đảm bảo an toàn công trình theo chỉ tiêu phòng chống lũ, đảm bảo hạn chế thiệt hại cho vùng hạ du khi hồ chứa xả lũ. Phát huy hiệu quả công trình theo nhiệm vụ thiết kế đã được phê duyệt, đảm bảo trách nhiệm, quyền hạn các bên trong việc chỉ đạo, kiểm tra, thực hiện.

- Đảm bảo yêu cầu bảo vệ nguồn nước, phạm vi bảo vệ công trình, đồng thời đảm bảo hài hòa quyền, lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân có liên quan. Ranh giới mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa được thể hiện trên bản đồ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các quy hoạch chuyên ngành khác phải đảm bảo việc duy trì, phát triển các chức năng của mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa đã được phê duyệt. Việc lập mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa phải bảo đảm công khai, dân chủ.

- Đảm bảo an toàn công trình, an toàn phòng chống lũ; hạn chế thiệt hại cho vùng hạ du khi hồ chứa xả lũ; phát huy hiệu quả công trình theo nhiệm vụ thiết kế đã được phê duyệt; đảm bảo trách nhiệm, quyền hạn các bên trong việc chỉ đạo, kiểm tra, thực hiện.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Lập quy trình vận hành đập, hồ chứa nước

1.1. Nhiệm vụ

- Thu thập, điều tra, khảo sát thực địa;
- Xử lý số liệu, tính toán, xác định dòng chảy đến hồ. Xử lý số liệu, tính toán nhu cầu nước cho các đối tượng;
- Tính toán cân bằng nước hồ chứa, xây dựng biểu đồ điều phối hồ chứa.

- Xây dựng quy trình vận hành hồ chứa nước.

1.2. Nội dung thực hiện lập Quy trình vận hành hồ chứa nước

Thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về an toàn đập, hồ chứa nước; Chương II Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

Kết cấu của Quy trình vận hành được biên soạn theo Thông tư số 03/2022/TT-BNNPTNT ngày 16/6/2022 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

1.3. Sản phẩm công tác lập quy trình vận hành

- Báo cáo tổng hợp, dự thảo Quy trình vận hành hồ chứa nước;
- Phụ lục tính toán kỹ thuật; Bản đồ hiện trạng công trình;
- USB lưu trữ tài liệu báo cáo, quy trình và các hồ sơ, tài liệu liên quan.

1.4. Phạm vi thực hiện: điều tra trên toàn bộ 23 hồ chứa lớn và 38 hồ chứa vừa trong phạm vi do Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Lạng Sơn quản lý.

1.5. Nội dung, khối lượng công việc, lộ trình thực hiện

a) Nội dung thực hiện

- Tổ chức công bố danh mục hồ chứa phải lập Quy trình vận hành trên phương tiện thông tin, trang thông tin điện tử của cơ quan phê duyệt, cơ quan thẩm định, chủ quản lý công trình.

- Lập đề cương, nội dung Quy trình vận hành cho từng công trình hồ chứa trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt.

- Xây dựng Quy trình vận hành các hồ chứa trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định.

b) Khối lượng công việc, lộ trình thực hiện

Thực hiện theo thứ tự ưu tiên những công trình có dung tích từ lớn đến nhỏ, công trình ảnh hưởng lớn đến vùng hạ du (nhiều hộ dân sinh sống). Dự kiến tổng kinh phí thực hiện là **15,94** tỷ đồng, được chia thành 02 giai đoạn như sau:

Giai đoạn (năm)	Năm thực hiện	Tên hồ chứa	Kinh phí (tỷ đồng)
2021- 2025	2025	Bó Diêm, Khuôn Tùng, Khau Hường, Bản Nặng, Bản Lạn, Bãi Hào	1,68
2026 -2030	2026	Nà Khách, Nặm Thín, Rọ Tý, Tằng Bản, Bản Vàng, Khuổi Chủ, Khuổi In, Khe Đín, Khun Cát, Dọc Trang,	3,3

Giai đoạn (năm)	Năm thực hiện	Tên hồ chứa	Kinh phí (tỷ đồng)
		Lệ Minh, Trục Hồ	
	2027	Rọ Nghè, Rọ Rây, Rọ Tém, Khuổi Ngần, Khuổi Sần, Thâm Seo, Khuổi Liều, Slam Kha, Khuổi Nghìn, Khuổi Quật, Bản Luông, Cốc Lùng, Suối Con.	3,46
	2028	Bản Năm, Khuổi Luông, Khuổi A, Kéo Páng, Nà Pia, Nặm Lìn, Rọ Nặm, Rọ Thó, Nà Khoang, Khuôn Ngần, Khe Khoang, Phai Quang, Nà Xà, Sam Kha, Cây Sấu	3,75
	2029	Phai Chia, Khuôn Tát, Lũng Vài, Bản Léch 2, Phai Cháu, Co Khảo, Rọ Thín, Rọ Hoạt, Thâm Thông, Pò Rái, Rọ Doóc, Tành Chè, Khun Toòng, Khẩu Cắm, Nà Dày	3,75

(Chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo).

2. Cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa nước

2.1. Nhiệm vụ

- Điều tra, đánh giá hiện trạng sạt lở bờ khu vực hồ chứa;
- Đánh giá số lượng, chất lượng của công trình, hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước; dự báo xu thế biến động dòng chảy đối với hồ chứa;
- Tổng hợp chức năng của công trình hồ chứa; xác định phạm vi mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa của từng hồ chứa;
- Đề xuất các giải pháp tổ chức thực hiện cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa và hướng giải quyết đối với các hoạt động đang tồn tại trong phạm vi mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa.

2.2. Nội dung công tác lập mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa

Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 23 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về an toàn đập, hồ chứa nước; Chương IV Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

2.3. Sản phẩm, kết quả

- Báo cáo thuyết minh việc cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa của các công trình hồ chứa. Danh mục các công trình hồ chứa phải cấm mốc chỉ

giới phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa.

- Các bản đồ, sơ đồ: bản đồ các công trình hồ chứa phải cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa. Sơ đồ mặt bằng mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa của từng hồ chứa.

2.4. Phạm vi thực hiện: điều tra trên toàn bộ 81 hồ chứa trong phạm vi Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Lạng Sơn quản lý.

2.5. Nội dung, khối lượng công việc, lộ trình thực hiện

a) Nội dung thực hiện

- Tổ chức công bố danh mục hồ chứa phải lập mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập. Lập đề cương, nội dung cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa nước cho từng công trình hồ chứa trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt.

- Xây dựng phương án cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa nước. Tổ chức thực hiện việc cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa sau khi được phê duyệt. Bàn giao mốc chỉ giới cho UBND các xã, phường, thị trấn nơi có hồ chứa phải lập hành lang bảo vệ để phối hợp quản lý, bảo vệ.

b) Khối lượng công việc, lộ trình thực hiện

Theo thứ tự ưu tiên những công trình gần khu dân cư, thường xuyên xảy ra vi phạm và những công trình cấp nước cho người dân sinh hoạt hàng ngày. Dự kiến tổng kinh phí thực hiện là **14,458** tỷ đồng, được chia thành 02 giai đoạn như sau:

Giai đoạn (năm)	Năm thực hiện	Tên hồ chứa	Kinh phí (tỷ đồng)
2026 -2030	2026	Nà Tâm, Nà Cáy	1,895
	2027	Nà Chào, Phai Danh, Tà Keo, Bản Chành	3,107
	2028	Cao Lan, Thâm Luông, Nà Pàn, Vũ Lãng, Tam Hoa, Pò Khoang, Bản Nùng, Chiến Thắng, Đắp Đề	2,726
	2029	Kéo Quân, Hua Khao, Khuôn Tùng, Nà Khách, Phai Thuổng, Bản Nạng, Khuổi In, Khe Đín, Vài Cà, Bãi Hào, Nặm Lìn, Rọ Nặm, Rọ Thó, Phai Luông, Phai Quang, Cốc Lùng, Suối Con	4,210
	2030	Bó Diêm, Lầu Xá, Khau Hường, Rọ Nghè, Rọ Rậy, Nặm Thín, Rọ Tý, Rọ Tém, Tằng Bản, Bản Vàng, Khuổi Chủ, Khuổi Ngần, Khuổi Sần, Thâm Seo, Khuổi Liều, Bản Lạn, Khun Cát, Dọc Trang, Phai Chia, Pò Luông, Bản Nặm, Slam Kha, Khuổi	2,520

Giai đoạn (năm)	Năm thực hiện	Tên hồ chứa	Kinh phí (tỷ đồng)
		Nghìn, Khuổi Luông, Khuổi A, Khuổi Hìn, Khuôn Tát, Lũng Vài, Kéo Páng, Bản Lếch 2, Nà Pia, Phai Châu, Trục Hồ, Khuổi Quật, Rọ Thín, Rọ Hoạt, Nà Khoang, Thâm Thông, Rọ Doóc, Lệ Minh, Tành Chè, Khun Toòng, Khẩu Cẩm, Nà Dày, Bản Luông, Khe Khoang, Nà Xà, Sam Kha, Cây Sấu	

(Chi tiết tại Phụ lục 02 kèm theo)

3. Kiểm định an toàn đập, hồ chứa nước

3.1. Nhiệm vụ

- Thu thập tài liệu, tổng hợp, phân tích, so sánh đánh giá. Khảo sát, quan sát, kiểm tra thực tế trên thực địa.

- Tính toán, phân tích lựa chọn kết quả để đánh giá và lập báo cáo kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa nước.

3.2. Nội dung công việc kiểm định an toàn đập, hồ chứa nước

Áp dụng đối với đập của các hồ chứa nước lớn, vừa và nhỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 18 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước. Thực hiện kiểm định lần đầu bao gồm các nội dung sau:

a) Điều tra, thu thập tài liệu liên quan đến công trình

- Điều tra, thu thập tài liệu bao gồm: hồ sơ thiết kế và hồ sơ hoàn công, hồ sơ quản lý chất lượng công trình, hồ sơ thi công xử lý các sự cố (nếu có); các quy trình vận hành và bảo trì; tài liệu quản lý vận hành như sổ đo theo dõi và quan trắc; các báo cáo, biên bản, phương án và quyết định liên quan đến công trình;

- Điều tra, thu thập về điều kiện tự nhiên, tình hình dân sinh kinh tế - xã hội - môi trường của vùng dự án và các vùng có liên quan đến công trình. Điều tra, thu thập nhu cầu dùng nước, tổng cân bằng nước và những điều kiện thuận lợi, khó khăn.

b) Đánh giá kết quả công tác quản lý đập

- Việc tổ chức thực hiện quy trình vận hành hồ chứa nước được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

- Việc thực hiện quy trình thao tác và vận hành cửa lấy nước; công tác ghi chép quá trình vận hành;

- Việc tổ chức đo đạc, quan trắc, thu thập các yếu tố khí tượng, thủy văn

trên lưu vực hồ chứa; các diễn biến về thấm, rò rỉ nước qua thân đập, nền đập, vai đập, chuyển vị của đập, diễn biến nứt nẻ, sạt trượt tại thân, nền và phạm vi lân cận công trình; tình trạng bồi lắng của hồ chứa;

- Việc thực hiện các quy định về duy tu, bảo dưỡng cho từng công trình, bộ phận công trình và các thiết bị liên quan đến an toàn đập;

- Việc kiểm tra đập: kiểm tra thường xuyên; kiểm tra định kỳ trước và sau mùa mưa lũ; kiểm tra đột xuất, khảo sát chi tiết đập;

- Việc khôi phục, sửa chữa nâng cấp đập.

c) Kiểm tra, phân tích tài liệu đo đạc, quan trắc đập

- Thu thập số liệu đo đạc và quan trắc đập, các công trình ở tuyến đầu mối kể từ khi thi công, vận hành đến thời điểm lập báo cáo kiểm định;

- Liệt kê danh mục các thiết bị quan trắc đã lắp đặt, số lượng, tình trạng hoạt động hoặc hư hỏng, thời gian sửa chữa, khôi phục, đánh giá phương pháp đo đạc, độ tin cậy của phương pháp đo, chu kỳ đo;

- Phân tích, đánh giá các số liệu đo đạc và quan trắc đập ở từng điểm quan trắc của tuyến đo, số liệu quan trắc được thể hiện dưới dạng bảng và biểu đồ. Trên cơ sở đó, phân tích, đánh giá về tình trạng làm việc của công trình, dự báo xu hướng phát triển các chuyển vị đập (chuyển vị đứng, chuyển vị ngang...), các nguyên nhân chính ảnh hưởng tới giá trị quan trắc khi số đo có thay đổi đột biến;

- Thiết lập đường bảo hòa thực đo và đánh giá so với đường bảo hòa thiết kế;

- Trên cơ sở các số liệu quan trắc đập từ giai đoạn thi công, vận hành và kết quả khảo sát địa hình phục vụ cho công tác lập báo cáo an toàn đập, đánh giá tình trạng an toàn đập và dự báo mức giảm độ an toàn đập (nếu có);

- Các đề xuất, kiến nghị về công tác quan trắc, đo đạc cho thời gian tới như về thiết bị, điểm quan trắc bổ sung (dạng quan trắc, số lượng), các sửa chữa, khôi phục độ tin cậy các thiết bị đo hiện có, chu kỳ đo.

d) Kiểm tra, đánh giá chất lượng và sự an toàn của đập

- Kiểm tra, đánh giá hiện trạng đập đất (kiểm tra đánh giá sự phù hợp của hồ sơ thiết kế so với hiện trạng; kiểm tra đánh giá các thông số của hồ chứa sau khi đưa vào khai thác sử dụng và hiện nay; tập trung nghiên cứu đánh giá sự cố lún, nứt, sạt trượt...);

- Kiểm tra tình trạng sạt lở, bồi lắng lòng hồ chứa nước; kiểm tra khả năng xả lũ của hồ chứa nước theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành, tài liệu khí tượng thủy văn và thay đổi về lưu vực đã được cập nhật;

- Tính toán kiểm tra ổn định đập theo hiện trạng công trình ứng với trường hợp mực nước gia cường (mực nước lũ thiết kế, kiểm tra) và các trường hợp khác phù hợp với quy định về thiết kế công trình;

- Tính toán kiểm tra cho đập hoặc bộ phận kết cấu công trình mà trạng thái

làm việc có dấu hiệu thay đổi đột biến, bất thường thể hiện qua các kết quả quan trắc thăm, chuyển vị của đập, hoặc đập bị hư hỏng nặng hoặc các hư hỏng đã có từ trước và diễn biến theo chiều hướng xấu;

- Đề xuất các biện pháp tăng cường đảm bảo ổn định, an toàn công trình.

e) Tính toán lũ, khả năng xả lũ của hồ chứa theo tiêu chuẩn thiết kế đập hiện hành và tài liệu khí tượng thủy văn và các thay đổi về địa hình, địa mạo đã được cập nhật

- Cập nhật bổ sung số liệu khí tượng, thủy văn và các thay đổi về địa hình, địa mạo, độ che phủ của thảm thực vật trên lưu vực hồ chứa kể từ giai đoạn thiết kế đến thời điểm lập báo cáo kiểm định an toàn đập, hồ chứa nước;

- Tính toán kiểm tra lại dòng chảy lũ thiết kế, lũ kiểm tra với việc cập nhật các số liệu quan trắc khí tượng, thủy văn trong giai đoạn vận hành;

- Tính toán kiểm tra khả năng xả lũ của đập với dòng chảy lũ thiết kế, lũ kiểm tra. Tính toán kiểm tra cao trình đỉnh đập đất.

g) Đánh giá kết quả thực hiện công tác phòng chống lụt, bão của công trình.

h) Kết luận, đánh giá về an toàn đập.

Từ các kết quả kiểm tra, tổ chức kiểm định sẽ có đánh giá về mức độ an toàn của đập, đề xuất với Chủ đập các biện pháp nhằm đảm bảo an toàn cho đập trong quá trình khai thác, sử dụng.

3.3. Phạm vi thực hiện: điều tra, đánh giá 106 hồ chứa trong phạm vi Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Lạng Sơn quản lý, khai thác.

3.4. Nội dung khối lượng công việc, lộ trình thực hiện

a) Nội dung thực hiện

- Tổ chức công bố danh mục hồ chứa phải kiểm định an toàn đập, hồ chứa nước. Lập đề cương, nội dung về kiểm định an toàn đập, hồ chứa nước cho từng công trình hồ chứa trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt.

- Tổ chức thực hiện kiểm định an toàn đập, hồ chứa nước theo đề cương đã được phê duyệt.

b) Thời gian và kinh phí thực hiện

Theo thứ tự ưu tiên: ưu tiên những công trình xung yếu, công trình có dung tích lớn,... Dự kiến tổng kinh phí thực hiện là **25,83** tỷ đồng, được chia thành 02 giai đoạn như sau:

Giai đoạn (năm)	Năm thực hiện	Tên hồ chứa	Kinh phí (tỷ đồng)
2021- 2025	2025	Nà Tâm, Nà Chảo, Tà Keo, Bản Nùng, Nà Cáy, Bản Nằng, Rọ Tý	2,65
2026 -2030	2026	Bó Diêm, Lầu Xá, Cao Lan, Thâm Luông, Nà Pàn, Phai Danh, Vũ	4,45

Giai đoạn (năm)	Năm thực hiện	Tên hồ chứa	Kinh phí (tỷ đồng)
		Lăng, Tam Hoa, Pò Khoang, Bản Chành, Đấp Đề, Kéo Quân, Hua Khao, Vải Cà	
	2027	Chiến Thắng, Khuôn Tùng, Nà Khách, Phai Thuổng, Khuổi In, Khe Đín, Bãi Hào, Nặm Lìn, Rọ Nặm, Rọ Thó, Phai Luông, Phai Quang, Cốc Lùng, Suối Con, Khau Hường, Rọ Nghè, Bản Vàng, Khuổi Chủ, Kéo Páng, Nà Pia	4,81
	2028	Rọ Rậy, Nặm Thín, Rọ Tém, Tăng Bản, Khuổi Ngần, Khuổi Sần, Thâm Seo, Khuổi Liều, Bản Lạn, Khun Cát, Dọc Trang, Phai Chia, Pò Luông, Bản Nặm, Slam Kha, Khuổi Nghìn, Khuổi Luông, Khuổi A, Khuổi Hin, Khuôn Tát, Lũng Vải, Bản Léch 2	4,63
	2029	Phai Cháu, Trục Hồ, Khuổi Quật, Thâm Sinh, Bó Chuông, Khuổi Mặn, Cốc Lùng, Kỳ Nà, Bản Cưởm, Ba Sơn, Khau Piều, Kai Hiễn, Khuôn Pinh, Rọ Thín, Rọ Hoạt, Khuôn Ngần, Pò Rái, Rọ Doóc, Lệ Minh, Khun Toòng	4,61
	2030	Co Khảo, Nà Khoang, Thâm Thông, Tánh Chè, Khuổi Cắm, Nà Dày, Bản Luồng, Khe Khoang, Nà Xà, Sam Kha, Cây Sấu, Nà Ái, Bản Léch 1, Rọ Bậy, Pắc Mỏ, Thâm Chao, Tá Phung, Suối Mơ, Nà Ca, Nà Điều, Khuổi Giàn, Nà Lập, Khun Phang, Tổng Đoàn	4,68

(Chi tiết tại Phụ lục 03 kèm theo).

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch thực hiện theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về an toàn đập, hồ chứa nước. Tổng dự toán nhu cầu kinh phí thực hiện Kế hoạch là 56.230 triệu đồng, trong đó:

1. Lập quy trình vận hành hồ chứa nước: 15.940 triệu đồng. Nguồn kinh phí: chi thường xuyên từ nguồn ngân sách tỉnh và các nguồn huy động hợp pháp khác.

2. Cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa nước: 14.458 triệu đồng. Nguồn kinh phí: vốn đầu tư công từ nguồn ngân sách tỉnh.

3. Kiểm định an toàn đập, hồ chứa nước: 25.830 triệu đồng. Nguồn kinh phí: chi thường xuyên từ nguồn ngân sách tỉnh và các nguồn huy động hợp pháp khác

IV. TỔ CHỨC, THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Căn cứ Kế hoạch được phê duyệt, xây dựng kế hoạch, lập dự toán thực hiện cùng với dự toán ngân sách hằng năm cho nhiệm vụ quản lý an toàn đập, hồ chứa nước do địa phương quản lý, gửi Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét quyết định theo quy định.

Hướng dẫn Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Lạng Sơn triển khai thực hiện, tổ chức thẩm định kế hoạch, quy trình vận hành, cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ và kiểm định an toàn đập, hồ chứa nước, trình cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 thực hiện nhiệm vụ cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa nước gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đầu tư công và điểm b khoản 1 Điều 30 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Sở Tài chính

Căn cứ khả năng cân đối nguồn ngân sách, trên cơ sở dự toán hằng năm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình lập nhiệm vụ quản lý an toàn đập, hồ chứa nước do địa phương quản lý để xem xét, tổng hợp tham mưu trình cấp có thẩm quyền quyết định bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo phân cấp ngân sách Nhà nước hiện hành và quy định của pháp luật liên quan.

3. Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Lạng Sơn (Công ty)

- Chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thành phố, các Sở, ngành có liên quan tổ chức triển khai thực hiện việc lập quy trình vận hành hồ chứa, kiểm định an toàn đập, hồ chứa nước theo quy định của Nhà nước.

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có công trình, công bố công khai phương án cấm mốc chỉ giới, tổ chức cấm mốc chỉ giới trên thực địa và bàn giao mốc chỉ giới cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có công trình để phối hợp quản lý, bảo vệ.

4. Các sở, ban, ngành liên quan

Phối hợp tổ chức triển khai thực hiện lập quy trình vận hành; cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa nước; kiểm định an toàn đập, hồ chứa nước đối với các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh theo quy định của Nhà nước.

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Phối hợp với các tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy lợi, Chủ

đầu tư xây dựng đập, hồ chứa thủy lợi có trách nhiệm cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa nước.

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có công trình, công bố công khai phương án cấm mốc chỉ giới, tổ chức cấm mốc chỉ giới trên thực địa và bàn giao mốc chỉ giới cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có công trình để phối hợp quản lý, bảo vệ.

UBND tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện Kế hoạch này; trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc gửi báo cáo về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo, đề xuất UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở: TC, NNPTNT, TNMT, XD, KHĐT;
- UBND các huyện, thành phố;
- C, PCVP UBND tỉnh, Phòng TH, Trung tâm Thông tin;
- Công ty TNHH MTV KTCTTL Lạng Sơn;
- Lưu: VT, KT_(PVD).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lương Trọng Quỳnh